

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 322/2024/DS-PT

Ngày 24-6-2024

V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Trúc.

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Văn Tâm;

Ông Nguyễn Văn Tài.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hoài Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Ông Phan Văn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2024/TLPT-DS ngày 03 tháng 5 năm 2024 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 240/2024/QĐPT-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Tuyết V, sinh năm 1956; nơi cư trú: số C, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đào Đức N, sinh năm 1991; nơi cư trú: số nhà B, tổ E, khu phố D, Phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ngày 20/12/2022). Có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; nơi cư trú: số A, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết H1, sinh năm 1958; nơi cư trú: số D, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1963; nơi cư trú: số A, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1963; nơi cư trú: số B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

4. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1968; nơi cư trú: số B, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Người kháng cáo:* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ông Nguyễn Văn L (sinh năm 1932, chết năm 1993) có vợ là Bà Thị M (sinh năm 1934, chết năm 2014). Ông L và bà M có 06 người con, gồm: Bà Nguyễn Thị Tuyết V, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Tuyết H1, ông Nguyễn Văn H2, bà Nguyễn Thị C và ông Nguyễn Văn B.

Ngoài ra không còn người con riêng nào khác. Cha mẹ ông L, bà M đều chết trước ông L, bà M.

Khi chết ông L, bà M đều không để lại di chúc. Quá trình chung sống ông L, bà M có khối tài sản chung là các thửa đất số: 249, 328, 332, 333, 334, 335, 336, 346, 356, 358, 359, 360, 394, 395, 396, 397, 398, 445, 446, 449, 497, 498, tờ bản đồ số 16 tại phường T, thị xã (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương. Vào năm 1993, khi ông L chết, bà M tiến hành các thủ tục kê khai thì được Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất O 821087, số vào sổ cấp GCN: 00470/QSDĐ/TU ngày 29/7/1999 cho bà Bà Thị M. Đến năm 2012, bà M có chuyển nhượng một phần đất thuộc các thửa đất nêu trên cho người khác, chỉ còn lại các thửa đất số: 346, 356, 358, 359, 360, 394, 395, 396, 397, 398, 497, 498, tờ bản đồ số 16 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Sau khi bà M chết, các con không thoả thuận được với nhau về việc chia thừa kế đối với phần đất nêu trên nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất có diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 791,3m² thuộc thửa đất số 346; diện tích 3.106,6m² thuộc các thửa đất số: 356, 358, 359, 360, 394, 395, 396, 397, 398, 497, 498, tờ bản đồ số 16 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương thành 06 kỷ phần bằng nhau cho 06 người thừa kế. Bà Nguyễn Thị Tuyết V yêu cầu được chia bằng hiện vật phần đất có diện tích 649,65m².

Quá trình giải quyết vụ án, bà H, bà H1, bà C, bà V có thoả thuận và yêu cầu được nhận hiện vật là phần đất có diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 3.106,6m² thuộc các thửa đất số: 356, 358, 359, 360, 394, 395, 396, 397, 398, 497, 498, tờ bản đồ số 16. Bà H, bà H1, bà C và bà V sẽ cùng đứng chung trên một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chia cho ông H2 và ông B phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 791,3m² thuộc thửa đất 346, tờ bản đồ số 16. Đối với phần

đất chênh lệch là 508m² thì bà H, bà H1, bà C và bà V đồng ý bồi hoàn giá trị cho ông H2 và ông B theo kết quả định giá.

Toàn bộ phần đất này đều là đất trồng lúa hiện đang bỏ trống không có ai canh tác, sử dụng. Do đó, không có ai có công sức nhiều hơn ai đối với phần đất này.

Nguyên đơn thống nhất kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và Mảnh trích lục địa chính (có đo đạc) số 234, 235-2023 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T cung cấp ngày 25/5/2023.

2. *Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:* Thống nhất toàn bộ lời trình bày của nguyên đơn về quan hệ nhân thân, nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đối với phần đất có diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 791,3m² thuộc thửa đất 346; diện tích 3.106,6m² thuộc các thửa đất số: 356, 358, 359, 360, 394, 395, 396, 397, 398, 497, 498, tờ bản đồ số 16 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Xác định đây là di sản thừa kế do bà Bồ Thị M để lại. Thống nhất kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và Mảnh trích lục địa chính (có đo đạc) số 234, 235-2023 do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T cung cấp ngày 25/5/2023.

Bà H đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế đối với phần đất nêu trên thành 06 kỷ phần bằng nhau cho 06 người thừa kế. Bà Nguyễn Thị H thống nhất với cách chia là bà H, bà H1, bà C, bà V được nhận hiện vật là phần đất có diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 3.106,6m² thuộc các thửa 356, 358, 359, 360, 394, 395, 396, 397, 398, 497, 498, tờ bản đồ số 16. Bốn người sẽ cùng đứng chung trên một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chia cho ông H2 và ông B phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 791,3m² thuộc thửa đất 346, tờ bản đồ số 16. Đối với phần đất chênh lệch là 508m² thì bà H, bà H1, bà C, bà V đồng ý bồi hoàn giá trị cho ông H2 và ông B theo kết quả định giá.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị C thống nhất trình bày:* Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn về quan hệ nhân thân, nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đối với phần đất tranh chấp.

Bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị C đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế đối với phần đất nêu trên thành 06 kỷ phần bằng nhau cho 06 người thừa kế. Bà H, bà H1, bà C, bà V sẽ nhận hiện vật là phần đất có diện tích theo kết quả đo đạc thực tế là 3.106,6m² thuộc các thửa đất số: 356, 358, 359, 360, 394, 395, 396, 397, 398, 497, 498, tờ bản đồ số 16. Bà H, bà H1, bà C, bà V sẽ cùng đứng chung trên một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chia cho ông H2 và ông B phần đất có diện tích đo đạc thực tế là 791,3m² thuộc thửa đất số 346, tờ bản đồ số 16. Đối với phần đất chênh lệch là 508m² thì bà H, bà H1, bà C, bà V đồng ý bồi hoàn giá trị cho ông H2 và ông B theo kết quả định giá.

4. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn H2 trình bày:* Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn về quan hệ nhân thân, nguồn gốc đối với phần đất tranh chấp. Xác định phần đất tranh chấp là di sản thừa kế

do bà Bò Thị M để lại. Ông H2 không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đồng ý cho kỷ phần thừa kế mà mình được hưởng cho ông Nguyễn Văn B.

5. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn B trình bày:* Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn về quan hệ nhân thân, nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đối với phần đất tranh chấp. Xác định phần đất tranh chấp là di sản thừa kế do bà Bò Thị M để lại.

Đồng ý phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất theo kết quả đo đạc thực tế có diện tích 791,3m² thuộc thửa đất số 346; diện tích 3.106,6m² thuộc các thửa đất số: 356, 358, 359, 360, 394, 395, 396, 397, 398, 497, 498, tờ bản đồ số 16 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O821087, sổ vào sổ cấp GCN: 00470/QSDĐ/TU do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương cấp cho bà Bò Thị M ngày 29/7/1999 thành 06 kỷ phần bằng nhau. Cụ thể mỗi người được phần diện tích là 649,65m². Ông H2 đã đồng ý cho ông B phần của ông H2, do đó ông B được hai phần với tổng diện tích là 1.299,3m². Phần đất ông B yêu cầu được nhận là thửa đất số 498 có diện tích là 401,1m², thửa đất số 394 có diện tích là 163,9m², thửa đất số 395 có diện tích là 208,9m² và thửa đất số 397 có diện tích là 231,7m² (phần tiếp giáp với đường V), có tổng diện tích là 1.005,6m². Phần diện tích đất còn lại chia cho bà H, bà H1, bà C, bà V. Không ai phải bồi hoàn giá trị cho ai hết. Không đồng ý với yêu cầu chia như bà H, bà H1, bà C, bà V trình bày.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà H, bà C và bà H1 yêu cầu chia đều bằng hiện vật cho các đồng thừa kế, chia vị trí nào nhận vị trí đó, nếu nhỏ hơn phần được chia thì người nhận phần lớn hơn sẽ bù lại tiền, nếu nhận lớn hơn thì sẽ bồi hoàn giá trị cho người còn lại.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 20 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Tuyết V đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

- Xác định di sản của bà Bò Thị M là quyền sử dụng đất có diện tích 3.897,9m² thuộc thửa đất số: 346, 356, 358, 359, 360, 394, 395, 396, 397, 398, 497, 498, tờ bản đồ số 16 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương, tổng giá trị di sản là 16.371.180.000 đồng (mười sáu tỷ ba trăm bảy mươi một triệu một trăm tám mươi nghìn đồng).

- Chia di sản của bà Bò Thị M theo quy định của pháp luật cho hàng thừa kế thứ nhất gồm: Bà Nguyễn Thị Tuyết V, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn H2 và ông Nguyễn Văn B, mỗi kỷ phần được hưởng di sản có giá trị 2.728.530.000 đồng (hai tỷ bảy trăm hai mươi tám triệu năm trăm ba mươi nghìn đồng).

- Ghi nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Văn H2 tặng cho kỷ phần được hưởng cho ông Nguyễn Văn B.

- Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc không yêu cầu Toà án giải quyết tài sản trên đất, trường hợp quyền sử dụng đất các đồng thừa kế được hưởng có tài sản trên đất được phân chia cho ai thì người đó được sở hữu và không phải bồi hoàn giá trị tài sản.

Về hiện vật các đương sự được chia như sau:

- Bà Nguyễn Thị Tuyết V được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 565m² thuộc thửa đất số 498, 394 tờ bản đồ số 16 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có 401,1m² đất thửa 498 thuộc quy hoạch đất thương mại – dịch vụ và đất giao thông; 163,9m² đất thửa 394 thuộc quy hoạch đất ở và đất thương mại – dịch vụ).

- Bà Nguyễn Thị H được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 607,9m² thuộc thửa đất 497, 397, 395 tờ bản đồ số 16 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có 167,3m² đất thửa 497 thuộc quy hoạch đất thương mại – dịch vụ và đất giao thông; 231,7m² đất thửa 397 thuộc quy hoạch đất thương mại – dịch vụ; 208,9m² đất thửa 395 thuộc quy hoạch đất ở và đất thương mại – dịch vụ).

- Bà Nguyễn Thị C được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 541,5m² thuộc thửa đất 398, 396 tờ bản đồ số 16 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (thuộc quy hoạch đất ở và đất thương mại – dịch vụ).

- Ông Nguyễn Văn B được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 1.223,2m² thuộc thửa đất 346, 359 tờ bản đồ số 16 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có 791,3m² đất thửa 346 thuộc quy hoạch đất trồng cây lâu năm, đất ở và đất thương mại – dịch vụ; 431,9m² đất thửa 359 thuộc quy hoạch đất ở và đất thương mại – dịch vụ).

- Bà Nguyễn Thị Tuyết H1 được quyền quản lý, sử dụng phần đất có diện tích 960,3m² thuộc thửa đất 356, 358, 360 tờ bản đồ số 16 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có 225,1m² đất thửa 356 thuộc quy hoạch đất khu vui chơi giải trí và đất sông ngòi; 449,2m² đất thửa 360 thuộc quy hoạch đất khu vui chơi giải trí và đất sông ngòi và đất ở; 286m² đất thửa 358 thuộc quy hoạch đất khu vui chơi giải trí, đất ở và đất thương mại – dịch vụ).

- Ghi nhận sự tự nguyện của Nguyễn Thị Tuyết V về việc không yêu cầu thanh toán giá trị đất chênh lệch.

- Bà Nguyễn Thị Tuyết H1 có trách nhiệm thanh toán giá trị đất chênh lệch cho bà Nguyễn Thị H số tiền 175.350.000 đồng (một trăm bảy mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng); cho bà Nguyễn Thị C số tiền 454.230.000 đồng (bốn trăm năm mươi bốn triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng); cho ông Nguyễn Văn B số tiền 319.620.000 đồng (ba trăm mười chín triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng).

(Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên

phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Kiến nghị Cơ quan có thẩm quyền quản lý về đất đai thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 821087, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00470/QSDĐ/TU ngày 29/7/1999 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp cho bà Bồ Thị M để cấp lại theo quyết định của bản án này.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo đúng quy định pháp luật.

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu 8.095.581 đồng (tám triệu không trăm chín mươi lăm nghìn năm trăm tám mươi một đồng) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản, đã thực hiện xong.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 20/3/2024 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng phân chia lại kỷ phần thừa kế, cụ thể chia cho ông B các thửa đất số 498, 394 và 346, tờ bản đồ số 16; nếu không nhận được bằng hiện vật theo yêu cầu thì ông B yêu cầu nhận kỷ phần thừa kế bằng tiền.

Bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Tuyết H1, bà Nguyễn Thị C đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Các đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì mới tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Theo Mệnh trích lục địa chính ngày 25/5/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T thì chỉ có thửa đất số 498 giáp đường V. Tòa án cấp sơ thẩm chia thừa kế theo từng thửa đất nhưng không thừa lời đi theo quy định tại khoản 3 Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015: Trường hợp bất động sản được chia thành nhiều phần cho các chủ sở hữu, chủ sử dụng khác nhau thì khi chia phải dành lời đi cần thiết cho người phía trong mà không có đền bù. Đồng thời, Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định giá trị các thửa đất giáp đường và không

giáp đường đều ngang nhau là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự khi chia kỹ phần bằng hiện vật. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để hủy bản án sơ thẩm và giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm xét xử lại theo quy định.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ngày 20/3/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng quy định tại Điều 272 Bộ luật Tố tụng dân sự, kháng cáo trong hạn luật định, thuộc trường hợp giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B:

[2.1] Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai thừa nhận của tất cả các đương sự thể hiện bà Bồ Thị M (chết năm 2014) và di sản bà Bồ Thị M để lại là quyền sử dụng đất: diện tích 791,3m² thuộc thửa đất 346 và diện tích 3.106,6m² thuộc các thửa đất số 356, 358, 359, 360, 394, 395, 396, 397, 398, 497 và 498, tờ bản đồ số 16 tại phường T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Bà Bồ Thị Minh c không để lại di chúc.

Đồng thời, người thừa kế theo pháp luật thuộc hàng thừa thứ nhất của bà Bồ Thị M theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 gồm: Bà Nguyễn Thị Tuyết V, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Tuyết H1, ông Nguyễn Văn H2 và ông Nguyễn Văn B.

Như vậy, những tình tiết được các đương sự thừa nhận nêu trên là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2.2] Bà Nguyễn Thị Tuyết V, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị Tuyết H1, ông Nguyễn Văn H2 và ông Nguyễn Văn B thống nhất phân chia di sản thừa kế của bà Bồ Thị Minh t 06 kỹ phần bằng nhau nhưng không thống nhất vị trí kỹ phần thừa kế là quyền sử dụng đất được nhận nên phát sinh tranh chấp. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận không ai có công sức trong việc quản lý, giữ gìn di sản, sau khi bà M chết thì đất được bỏ trống không có ai canh tác, quản lý, sử dụng và hiện nay do làm thủy lợi nên không sản xuất được, tuy nhiên các đương sự đều yêu cầu nhận kỹ phần thừa kế bằng hiện vật, riêng kỹ phần của ông H2 thì ông H2 tự nguyện tặng cho ông B. Ông B yêu cầu được chia thửa đất số 498, 394 (do giáp đường đi). Nhận thấy, ông Nguyễn Văn B kháng cáo yêu cầu chia cho ông B được hưởng kỹ phần bằng hiện vật đối với các thửa đất số 498, 394 và 346, tờ bản đồ số 16; nếu không nhận được bằng hiện vật theo yêu cầu thì ông B yêu cầu nhận kỹ phần thừa kế bằng tiền nhưng bà V, bà H, bà H1 và bà C không đồng ý thanh toán kỹ phần bằng giá trị cho ông B mà cho rằng Tòa án đã chia phần nào thì hưởng phần đó, không cần

hoán đổi vị trí. Các đương sự không ai yêu cầu Tòa án tính công sức đóng góp. Ông B cho rằng thời điểm bà Bồ Thị M còn sống thì ông B là người cùng canh tác trồng lúa với cha mẹ, sau này do vấn đề thủy lợi không canh tác nữa nhưng ông B là người quản lý, ký liên ranh với các hộ khác. Tuy nhiên, ông B cũng cấp được chứng cứ chứng minh lời trình bày của ông B.

[2.3] Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương cho rằng khi chia thừa kế, Tòa án cấp sơ thẩm không chừa lối đi theo quy định tại khoản 3 Điều 254 Bộ luật Dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử nhận thấy, căn cứ Điều 6 Luật Đất đai năm 2013 và các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai thì về nguyên tắc sử dụng đất đó là sử dụng đất phải đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và đúng mục đích sử dụng đất. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số O 821087, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 00470/QSĐĐ/TU ngày 29/7/1999 do Ủy ban nhân dân huyện (nay là thành phố) Tân Uyên cấp cho bà Bồ Thị M thì tất cả các thửa đất tranh chấp nêu trên đều có mục đích sử dụng đất là đất lúa nên không thể mở lối đi. Đồng thời, căn cứ quy định của Luật Đất đai và quy hoạch sử dụng đất của địa phương thì các thửa đất tranh chấp đủ điều kiện để chia bằng hiện vật. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm phân chia di sản thừa kế cho các đương sự là phù hợp với quy định tại các Điều 650, 651 và 660 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, nhận thấy kháng cáo của ông Nguyễn Văn B không có căn cứ để chấp nhận. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là chưa phù hợp.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2024/DS-ST ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn B phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được trừ hết vào tiền tạm ứng đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001237 ngày 02/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Tân Uyên;
- TAND thành phố Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thanh Trúc